CẦN "TIÊU CHUẨN ISO" CHO KHOA HỌC VIỆT NAM

ĐẤT NƯỚC ĐANG TRÊN TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP, THẾ NHƯNG KHOA HỌC VÀ GIÁO DỤC VIỆT NAM THÌ LẠI ĐANG Ì ẠCH, MẶC DÙ ĐÁNG RA - THEO TẤM GƯƠNG THÀNH CÔNG CỦA CÁC NỀN KINH TẾ ĐÔNG Á VÀ TRUNG QUỐC VỐN CÓ VĂN HÓA TƯƠNG ĐỒNG VỚI CHÚNG TA - LĨNH VỰC NÀY CẦN PHẢI ĐI TRƯỚC MỘT BƯỚC.

>> Phòng thí nghiệm về môi trường thuộc Trường ĐHKHTN. Ảnh: Minh Trí

>> Diễn đàn Khoa học cơ bản do ĐHQGHN và ĐH Osaka - Nhật Bản tổ chức, năm 2005 thu hút hàng trăm chuyên gia nghiên cứu đầu ngành tham dự.

Theo Bộ KH&CN, tổng đầu tư cho 17 phòng thí nghiệm trọng điểm là 1.126 tỷ đồng (bắt đầu từ năm 2001), trung bình 1 phòng thí nghiệm trọng điểm đầu tư hơn 66 tỷ đồng tương đương 4,4 triệu USD. Các đề tài, dự án có sử dụng phòng thí nghiệm trọng điểm đã công bố được 640 bài báo, có 22 bằng sáng chế và giải pháp hữu ích, hơn 300 bằng khen, nhưng chỉ có 3 công trình đăng trên các tạp chí quốc tế, trong khi lại đào tạo được tới 56 tiến sĩ, 58 thạc sĩ và nâng cao nghiệp vụ cho hàng trăm cán bộ khoa học thuộc các lĩnh vực có liên quan - số lượng nhiều nhưng chất lượng quá thấp theo chuẩn mực quốc tế!

Trong khi đó một nhóm nhà thiên văn ở ĐHQGHN đã biết dùng những thiết bị quá hạn sử dụng (thải) chỉ để hướng dẫn sinh viên, đo được các thông lượng Muon ở Hà nội và cho ra kết quả in trên tạp chí quốc tế có uy tín. Một giáo sư ngành Cơ học chủ trì nhiều đề tài kinh phí lớn tính toán lũ lụt, nhưng không cho ra được một kết quả chuẩn mực là bài báo công bố quốc tế, trong khi một tiến sĩ cùng chuyên môn, với số kinh phí ít ỏi hơn nhiều, đưa được các tính toán của mình về bồi lắng bùn cát trên sông Hồng ở cửa Ba Lạt công bố trên tạp chí quốc tế. Tiếc rằng những nỗ lực công bố quốc tế ở ta, nhất là công bố nội lực, còn quá ít và thường không nhận được sự ủng hộ cần có.

Chỉ 10% số đề tài nghiên cứu cơ bản của ngành Cơ học những năm gần đây là có công bố quốc tế (một đồng nghiệp cho biết lĩnh vực lĩnh vực khoa học sự sống có khá hơn: 50% số đề tài có công bố quốc tế, nhưng phần nhiều do cộng tác với nước ngoài mang lại); còn phần lớn các đề tài kinh phí lớn cấp bộ - ngành và cấp Nhà nước đều không có công bố quốc tế. Điều đáng ngạc nhiên là ở các mức cần phải có đòi hỏi cao hơn, cũng chỉ 10% số thành viên ban biên tập tạp chí chủ chốt của ngành "Cơ học" là có công bố quốc tế, và không thành viên nào của Hội đồng Chức danh giáo sư ngành Cơ học (đồng thời cũng là Hội đồng ngành NCCB) có được công bố quốc tế 5 - 10 năm gần đây nhất. Trong khi đó Bộ GD&ĐT đang yêu cầu từ luận án tiến sĩ phải có bài báo quốc tế để hướng tới hội nhập!

GS. Hoàng Tụy có nêu một ví dụ về "chuẩn mực chức danh" của chúng ta: Một giảng viên đại học ở Nha Trang có được hàng chục bài báo quốc tế (đồng tác giả với các nhà khoa học quốc tế), nhưng vẫn không đủ điểm công trình để đạt chức danh phó giáo sư vì ở ta bài báo quốc tế vẫn bị tính ngang với bài báo trong nước và báo cáo hội nghị, bất chấp thực tế là nhiều phó giáo sư và thậm chí cả giáo sư của chúng ta không có nổi một bài báo quốc tế! GS. Nguyễn Văn Tuấn cho biết, không chỉ ở các nền khoa học tiên tiến, mà ngay ở các nước hàng xóm của chúng ta như Thái Lan, người ta cũng khuyến khích, thậm chí yêu cầu mỗi giáo sư, từ 1 tới 2 năm phải công bố tối thiểu 1 bài báo trên tạp chí quốc tế; Đại học Mahidon ở Thái Lan thậm chí đã đòi hỏi luận văn thạc sĩ cũng phải có bài báo đăng tạp chí chuẩn mực có phản biện kín.

Các đồng nghiệp tại Viện Vật lý nói nhiều tới trường hợp của anh Nguyễn Bá Ân, một trong số ít chuyên gia có số công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam - vượt xa số điểm công trình quy định, nhưng vẫn không được phong giáo sư, do "chưa đủ điểm viết sách". Sách "xào xáo" ở Việt Nam có đầy, nhưng những nhà khoa học giỏi biết tự trọng sẽ không cố viết sách nếu họ không đủ hứng và tâm huyết để viết được quyển sách xứng tầm với các kết quả nghiên cứu của họ. Nhiều giáo sư quốc tế rất giỏi qua các công bố bài báo quốc tế cũng không viết sách giáo khoa hay sách chuyên khảo. Các đồng nghiệp quốc tế đã rất ngạc nhiên khi biết một nhà khoa học có uy tín quốc tế như anh Ân không đạt tiêu chuẩn giáo sư ở Việt Nam. Trong khi đó một đồng nghiệp của tôi đã lúng túng khi một giáo sư Pháp sang giúp Việt Nam đã nhầm thẳng vào một giáo sư đối tác của chúng ta và hỏi cậu ấy: "Ông ấy nói nhiều nhưng thực sự mạnh nhất về cái gì? Tôi đã cố tìm tên ông ấy trên các website khoa học nhưng không thấy…"

Nói đến cái "tiêu chuẩn sách" này cũng như yếu tố "thâm niên", tôi lại nhớ đến một bài viết cách đây không lâu trên Tạp chí Science nổi tiếng của Mỹ. Họ kể về trường hợp một tiến sĩ trẻ tài năng của Trung Quốc nhận được học bổng nghiên cứu danh giá Humboldt 2 năm ở Đức, rồi thêm 18 tháng nghiên cứu ở Nhật, trở về nước ở tuổi ngoài 30 nhưng với thành tích công bố quốc tế mạnh ngay lập tức đã được nhận chức danh giáo sư ở một Viện Vật lý thuộc Viện HLKH Trung Quốc, theo chương trình trải thảm đỏ mời về nước các nhân tài trẻ của họ. Tuy nhiên qua 3 năm thử thách, một Hội đồng chuyên gia đã bỏ phiếu với đa số thông qua chấm dứt hợp đồng với anh này vì qua 3 năm đó anh ta không có được một bài báo quốc tế nào, dù có được 2 bài báo đăng tạp chí Trung Quốc và viết được một quyển sách. Sau đó anh ấy cũng xin được một vị trí khiêm tốn hơn là giáo sư Đại học Sư phạm Bắc Kinh.

Trong nhiều trường hợp, các bằng cấp, chức danh hình thức của chúng ta không phản ánh đúng thực lực chuyên môn. Theo gương và tư vấn quốc tế, Bộ KH&CN đã thành lập Trung tâm hỗ trợ đánh giá KH&CN để có được danh mục công trình cụ thể của từng nhà khoa học. Tuy nhiên, như Trung tâm cho biết, sau cả năm gửi thư mời thì cho đến nay mới chỉ thu được hơn 2.000 phiếu đăng ký chuyên gia (bằng 1/10 lực lượng nghiên cứu). Phần lớn mẫu này là của thạc sĩ, tiến sĩ mới bảo vệ… Cần có chế tài yêu cầu mọi cán bộ nghiên cứu khoa học đều phải đăng ký, nếu không sẽ không được phép nhận các đề tài nghiên cứu và tham gia các hội đồng khoa học.

Chương trình đào tạo bằng ngân sách Nhà nước (gọi tắt là Chương trình 322) sau một số năm thực hiện đã đào tạo được 1.740 cán bộ từ đại học trở lên ở nhiều nước có nền KH&CN tiên tiến (41,6% tiến sĩ, 34,25% thạc sĩ, 13,16% thực tập sinh và 10,97% đại học). Thông qua hoạt động của Quỹ Giáo dục Việt Nam - Hoa Kỳ (VEF), chúng ta cũng đã gửi đi đào tạo được hơn 100 tiến sĩ và thạc sĩ ở Hoa Kỳ. Nhưng điều quan trọng không kém là trong số cán bộ đó

có bao nhiêu đã trở về nước làm việc? Những người trở về đã được sử dụng và phát huy năng lực nghiên cứu như thế nào? Họ đã công bố được bao nhiêu bài báo quốc tế khi học ở nước ngoài, và công bố bao nhiêu bài mới khi về làm việc ở Việt Nam?

Một khi các "đầu tàu khoa học" không xứng đáng là các đầu tàu thực thụ, các "bằng cấp và chức danh khoa học" không tương xứng với thực lực, việc xét phân và đánh giá các đề tài nghiên cứu khoa học bất tuân chuẩn mực quốc tế, thì dễ hiểu đoàn tầu kéo theo là cả một nền khoa học và giáo dục méo mó và yếu kém - chẳng giống ai.

>> TSKH. PHẠM ĐỨC CHÍNH - Viện Cơ học

SỐ BÀI BÁO CÔNG BỐ QUỐC TẾ (ISI) THEO CÁC NGÀNH TRONG VÒNG 11 NĂM (1/1997 -12/2007)

Lĩnh vực	Việt Nam	Thái Lan	Mã lai	Hàn quốc	Trung Quốc
Y học lâm sàng	765	4 897	25 050	25 050	34 430
Vật lý	709	681	32 313	32 313	86 679
Động thực vật học	595	2 233	5 798	5 798	17 761
Toán	466	156	4 490	4 490	20 468
Kỹ thuật	327	1 904	26 867	26 867	53 203
Hóa	301	2 618	31 644	31 644	127 749
Nông nghiệp	212	1 023	2 907	2 907	4 382
Địa chất	185	327	2 204	2 204	16 431
Môi trường	177	878	2 730	2 730	10 071
Khoa học xã hội	176	563	1 911	1 911	4 277
Vi sinh	159	900	4 861	4 861	3 752
Sinh học & Hóa sinh	114	1 144	12 148	12 148	20 037
Miễn dịch học	110	678	1 467	1 467	2 006
Khoa học vật liệu	98	766	20 946	20 946	60 197
Dược	69	709	5 619	5 619	7 356
Sinh học phân tử	45	275	3 395	3 395	6 081
Kinh tế	35	112	1 605	1 605	2 845
Khoa học thần kinh	0	167	3 464	3 464	4 800
Khoa học máy tính	0	426	12 194	12 194	17 355
Tâm lý học	0	86	792	792	2 070
Khoa học không gian	15	63	1 125	1 125	4 903
Liên ngành	14	16	107	107	1 708
TỔNG CỘNG	4 667	20 672	13 059	203 637	508 561

SỐ BÀI BÁO CÔNG BỐ QUỐC TẾ (ISI) CỦA VN QUA 11 NĂM

1997	1998	1999	2000	2001	2002
222	239	248	320	355	355
2003	**2004**	**2005**	**2006**	**2007**	
496	429	590	603	715	